

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỆ TẠİ CHỨC – Ngành Công nghệ thông tin

(Áp dụng từ Khóa tuyển 2005 đến 2008)

Tổng cộng 138 tín chỉ bao gồm cả các học phần bắt buộc, tự chọn, tốt nghiệp chưa kể các học phần *Anh văn*.

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

Phần này gồm 66 tín chỉ về khối kiến thức đại cương bao gồm nhiều khối kiến thức con như trình bày trong bảng sau.

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Tính chất		Mã HP
		Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	
Kiến thức Toán học							
1.	Toán cao cấp A1	4	4		X		TN031
2.	Toán cao cấp A2	4	4		X		TN032
3.	Toán cao cấp A3	3	3		X		TN033
4.	Toán rời rạc	3	3		X		TN030
5.	Xác suất thống kê	4	4		X		TN036
Kiến thức Điện tử & Vật lí							
6.	Vật lý đại cương A1	4	4		X		VL010
7.	Vật lý đại cương A2	3	3		X		VL012
Kiến thức khoa học xã hội và ngoại ngữ							
8.	Triết học Mác-Lênin	5	5		X		TR005
9.	Kinh tế chính trị	5	5		X		KT005
10.	Lịch sử Đảng	4	4		X		LS020
11.	CNXH khoa học	4	4		X		TR020
12.	Tư tưởng HCM	3	3		X		TR040
13.	Kinh tế học ĐC	3	3		X		KT010
14.	Nhập môn logic	3	3		X		TR015
Kiến thức công nghệ thông tin							
15.	Nhập môn tin học	3	2	1	X		TH014
16.	Nhập môn lập trình	4	3	1	X		TH015
17.	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	3	1	X		TH108
18.	Kỹ thuật lập trình	4	3	1	X		TH016

B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Sinh viên cần tích lũy tối thiểu 72 tín chỉ thuộc về khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp. Danh sách các học phần chi tiết như sau.

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tính chất		Mã HP	Ghi chú
			Bắt buộc	Tự chọn		
B1 - Kiến thức cơ sở nhóm ngành công nghệ thông tin						
1	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	X		CTT104	Số tiết mỗi học phần: 45 LT + 30 TH
2	Cơ sở dữ liệu	4	X		TH107	
3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	X		TH701	
4	Lý thuyết đồ thị	4	X		TH018	
5	Hệ điều hành	4	X		TH106	
6	Mạng máy tính	4	X		CTT105	
B2 – Kiến thức nghiệp vụ hỗ trợ						
7	Nhập môn kế toán tài chính	3	X		TH204	45 tiết LT
8	Nhập môn quản trị doanh nghiệp	3	X		TH205	45 tiết LT
B3 – Kiến thức bắt buộc ngành						
9	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	X		TH202	Số tiết mỗi học phần: 45 LT + 30 TH
10	Nhập môn công nghệ phần mềm	4	X		TH110	
11	Lập trình ứng dụng quản lý	4	X		TH207	
12	Phân tích thiết kế HTTT	5	X		TH203	60 LT + 30 TH
13	Thiết kế & lập trình Web	4	X		TH143	45 LT + 30 TH
14	Lập trình trên Windows	4	X		TH134	45 LT + 30 TH
15	Chuyên đề Java	3	X		TH128	45 tiết LT
16	Chuyên đề Oracle	3	X		TH127	45 tiết LT
B4 – Tự chọn theo định hướng chuyên ngành						
Sinh viên tích lũy 3 học phần (tối thiểu 11 tín chỉ) từ danh sách các học phần sau đây tùy theo kế hoạch mở học phần của Khoa.						
1	Khai thác mạng trên môi trường Windows	4		X	TH801	Số tiết mỗi học phần: 45 LT + 30 TH
2	Quản trị Windows Server	4		X	CTT704	
3	Hệ điều hành Linux	4		X	TH142	
4	Xây dựng phần mềm hướng đối tượng	5		X	TH401	60 LT + 30 TH
5	Thiết kế và lập trình Web 2	4		X	TH129	45 LT + 30 TH
6	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4		X	TH136	45 LT + 30 TH

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tính chất		Mã HP	Ghi chú
			Bắt buộc	Tự chọn		
7	Công nghệ XML và ứng dụng	4		X	TH606	Số tiết mỗi học phần: 45 LT + 30 TH
8	Công nghệ Web và ứng dụng	4		X	TH406	
9	Thương mại điện tử	4		X	TH603	
10	Tin học kế toán	4		X	CTT122	
11	Kỹ năng soạn báo cáo, trình bày và làm việc nhóm	4		X	CTT701	
12	Hệ thống viễn thông	4		X	CTT602	
13	Đồ họa ứng dụng	4		X	TH126	
14	Cơ sở tin học Viễn thông	3		X	TH502	45 tiết LT

C. TỐT NGHIỆP

Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ như đã qui định trong các phần A và B;
- Thỏa mãn các yêu cầu về: chứng chỉ anh văn trình độ B hoặc tích lũy đủ các học phần Anh văn theo qui định;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
Trưởng Khoa Công nghệ thông tin

Ý kiến của Trưởng Phòng Đào tạo

Phê duyệt của Hiệu trưởng